TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2026
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vụ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 287/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị K, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp H, xã M, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Ái Q, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp H, xã M, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2025, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày và yêu cầu:

Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Ái Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 11 tháng 8 năm 2003 (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh). Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không thể hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: bà Lê Thị K yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ái Q.

Về con chung: bà K và ông Q có 02 con chung là Nguyễn Hồng Á, sinh ngày 28/4/2004 và Nguyễn Lê Quốc A, sinh ngày 31/8/2007 hiện nay con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà K và ông Quốc tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Ái Q được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã được tống đạt các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông Q đều vắng mặt không có lý do. Ông Q cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của ông Q đối với yêu cầu ly hôn của bà K. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền cần giải quyết: bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Ái Q, ông Q hiện đang cư trú tại: ấp H, xã M, tỉnh Tây Ninh, do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Ái Q chung sống có đăng ký kết hôn ngày 11/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là Ủy ban nhân nhân xã Đ, tỉnh Tây Ninh). Quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Bà Lê Thị K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Ái Q được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K và ông Q.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà K thấy rằng: bà Lê Thị K và ông Nguyễn Ái Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là Ủy ban nhân nhân xã M, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 11/8/2003 theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà K trình bày thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả

nhau, cuộc sống chung không hòa hợp. Hiện tại, bà K không còn tình cảm với ông Q và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Đối với ông Q thì đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai. Tuy nhiên, ông Q không đến và cũng không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc bà K có yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà K và ông Q mâu thuẫn thường xuyên cãi vả nhau. Ông, bà không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau, bà K xác định không còn tình cảm gì với ông Q. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: bà K và ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Hồng Á, sinh ngày 28/4/2004 và Nguyễn Lê Quốc A, sinh ngày 31/8/2007 hiện nay con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: ông Q không có văn bản trình bày vấn đề này, bà K xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về nợ chung: ông Q không có văn bản trình bày vấn đề này, bà K xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: bà Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K đối với ông Nguyễn Ái Q.

1. Về hôn nhân: bà Lê Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Ái Q.

2. Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Hồng Á, sinh ngày 28/4/2004 và Nguyễn Lê Quốc A, sinh ngày 31/8/2007 đã thành niên không xem xét.

3. Về tài sản chung: đương sự tự thỏa thuận, không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: đương sự trình bày không có, không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

5. Về án phí: bà Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005108, ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà Lê Thị K đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Vụ